

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HUẾ

Căn cứ vào khoản 4 Điều 397 và Điều 212 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 200/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2025 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con” gồm những người yêu cầu giải quyết việc dân sự sau:

1. Chị Lê Thị H, sinh năm 1980; số định danh cá nhân: 046180002384; nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường P, thành phố H.

2. Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1978; số định danh cá nhân: 046078004205; nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường P, thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn B và chị Lê Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (nay phường P, thành phố H) cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/12/2003.

Qua hòa giải, vợ chồng thừa nhận không đoàn tụ được; hai bên thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần công nhận.

[2] Về con chung: Vợ chồng có 03 người con chung là Nguyễn Văn B1, sinh ngày 03/10/2004, Nguyễn Văn Q, sinh ngày 25/8/2007 và Nguyễn Văn Q1, sinh ngày 30/11/2016.

Vợ chồng thỏa thuận sau khi ly hôn giao cháu Nguyễn Văn Q1, sinh ngày 30/11/2016 cho chị H trực tiếp nuôi đến khi thành niên; các anh Nguyễn Văn B1 và Nguyễn Văn Q đều đã thành niên, có đủ năng lực hành vi dân sự và khả năng lao động để tự nuôi mình nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần công nhận.

[3] Về cấp dưỡng: Vợ chồng thỏa thuận anh Nguyễn Văn B cấp dưỡng định kỳ hàng tháng số tiền là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) để nuôi cháu Nguyễn Văn Q1, sinh ngày 30/11/2016, kể từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Q1 thành niên là tự nguyện, phù hợp quy định tại các Điều 110, 116 và 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án phân chia nên không xét.

[5] Về lệ phí Tòa án: Đương sự thỏa thuận, anh Nguyễn Văn B chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là tự nguyện, có căn cứ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Nguyễn Văn B thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Văn Q1, sinh ngày 30/11/2016 cho chị Lê Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục kể từ khi ly hôn đến khi cháu thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

1.3. Về cấp dưỡng: Anh Nguyễn Văn B có nghĩa vụ cấp dưỡng định kỳ hàng tháng số tiền là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) để nuôi cháu Nguyễn Văn Q1, sinh ngày 30/11/2016, kể từ khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Q1 thành niên.

Trường hợp người có nghĩa vụ vi phạm nghĩa vụ trả tiền thì kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

1.4. Về tài sản, nghĩa vụ về tài sản: Đương sự không yêu cầu phân chia.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Nguyễn Văn B chịu toàn bộ lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0001329 ngày 12/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố H; anh B đã nộp đủ.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 3-Huế;
- THADS thành phố Huế;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ VDS;
- Lưu án văn HNGĐ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Trần Văn Trường